

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /GPMT-UBND

Đại Lộc, ngày 20 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam số 815/BV-HCQT ngày 17/9/2024; Văn bản hiệu chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường "Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam" số 754/TNMT-MT ngày 27/11/2024 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 02/TTr-TNMT ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở "Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam" tại thôn Phú An, xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, địa chỉ tại thôn Phú An, xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam được thực hiện các

hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam tại Thôn Phú An, xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Phú An, xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Quyết định thành lập Cơ sở 2 Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam thuộc Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam số 274/QĐ-SYT ngày 15 tháng 03 năm 2019.

1.4. Mã số thuế: 4000349126

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở thực hiện tại Thôn Phú An, xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam với tổng diện tích là 3.227,5 m² (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH548185 ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam).

- Quy mô: Dự án thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô hoạt động: Theo Quyết định số 1569/QĐ-SYT ngày 23/08/2023, Bệnh viện có quy mô 70 giường bệnh kế hoạch, 91 giường bệnh thực kê. Tính chất là bệnh viện hạng III tuyến huyện.

STT	Bố trí công năng	Quy mô (giường)
1	Khoa Khám bệnh – Cấp cứu	3
2	Khoa Nội nhi – Truyền nhiễm	18
3	Khoa Ngoại sản – Tai mũi họng – Răng hàm mặt – Mắt	26
4	Khoa Y học cổ truyền	24
5	Khoa Phục hồi chức năng	20
6	Khoa Dược – Xét nghiệm – Chuẩn đoán hình ảnh	0
Tổng cộng		91

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giấy phép môi trường của cơ sở là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát về việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của cơ sở.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *Thay*

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (thay báo cáo);
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Khương);
- CVP (đ/c Quang);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- UBND xã Đại Thắng;
- Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc (cơ sở 2);
- Cổng Thông tin điện tử của UBND huyện;
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đỗ Tuấn Khương



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

★ (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 01 /GPMT-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Lộc).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt nhà vệ sinh của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và cán bộ công nhân viên trong bệnh viện.
- Nguồn số 02: Nguồn nước thải từ khu giặt là của bệnh viện (không có sử dụng Javel tại khu vực giặt là) và từ các khu chức năng,...
- Nguồn số 03: Nguồn nước thải y tế từ các khoa, phòng khám của bệnh viện.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải: Thôn Phú An, xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam .

- Tọa độ vị trí đầu nổi nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X (m) = 1756850; Y (m) = 539102.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $9,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:* Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được bơm tự động ra hệ thống cống thoát nước chung xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* Không liên tục trong ngày; thời gian xả liên tục trong năm.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:*

Thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của cơ sở sau khi xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế và QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Bảng 1. Thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của cơ sở sau khi xử lý

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT cột B, K = 1,2	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B, K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	6,5 - 8,5	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục.
2.	BOD ₅	mg/l	60	60		
3.	COD	mg/l	120	-		
4.	TSS	mg/l	120	120		
5.	Sulfua	mg/l	4,8	4,8		
6.	Amoni	mg/l	12	12		
7.	Nitrat	mg/l	60	60		
8.	Phosphat	mg/l	12	12		
9.	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	24	24		
10.	Coliform	MPN/100ml	6.000	6.000		
11.	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	-		
12.	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	-		
13.	Vibro Cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	-		
14.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12	-		
15.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.1.1. Nước thải sinh hoạt

Nước thải từ nhà vệ sinh của cán bộ nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Lượng nước thải này theo đường ống đứng PVC 114 mm các ống nhánh 114 mm tới bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi được thu gom về bể gom và theo đường ống PVC 114 mm đưa về hệ thống xử lý nước thải.

1.1.2. Nước thải giặt là và khám chữa bệnh

Nước thải phát sinh từ các khu giặt là và từ các khu chức năng như các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, các khu phẫu thuật, các labo xét nghiệm,... theo đường ống đến bể gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải theo đường ống PVC 90 mm.

Tổng chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải là 284,3 m.

Thống kê tuyến ống thu gom, thoát nước thải của Bệnh viện:

Bảng 2. Thống kê tuyến ống thu gom, thoát nước thải của Bệnh viện

STT	Nội dung	Kích thước (mm)	Chiều dài (m)
1	Ống nhựa PVC	60	15
2	Ống nhựa PVC	90	30
3	Ống nhựa PVC	114	50
4	Ống nhựa PVC	168	180,3
5	Ống nhựa PVC	220	9
Tổng cộng			284,3

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại

- Số lượng: 5 bể

- Vị trí: Được bố trí ngầm dưới tầng 1 để có thể tiếp nhận và xử lý toàn bộ lượng nước thải từ nhà vệ sinh của cán bộ nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

Tổng thể tích bể tự hoại: 30 m³.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải đầu vào → Bể gom → Bể điều hoà → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể MBR → Bể khử trùng → Nước sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Mật rỉ đường, Clorin để khử trùng nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a. Ứng phó sự cố từ quá trình vận hành hệ thống xử lý:

- Khi xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, sẽ lắp đặt các thiết bị làm việc luân phiên (bơm nước thải, bơm bùn, máy thổi khí,...).

- Các thiết bị phải thường xuyên được kiểm tra, luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt để sẵn sàng xử lý khi có sự cố xảy ra.

- Đảm bảo đủ kinh phí cho vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thành lập tổ cơ điện để thực hiện công tác bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa các máy móc thiết bị khi hư hỏng. Khi hệ thống bị sự cố sẽ xử lý ngay, không đợi đến lúc sửa chữa cơ bản.

- Xây dựng quy trình quản lý hệ thống và sơ đồ bố trí các thiết bị, đường ống, van,... trong hệ thống thông qua bản vẽ hoàn công.

- Bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ đảm bảo thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

- Tổ chức tập huấn cho nhân viên vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống xử lý, cách nhận biết dấu hiệu xảy ra sự cố và biện pháp ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Bệnh viện bố trí người phụ trách và công nhân có nghiệp vụ môi trường để bảo trì, theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải và kiểm tra hệ thống xử lý nước thải hàng ngày như: Kiểm tra hoạt động của các máy bơm, máy thổi khí có hoạt động không,... đồng thời giám sát chất lượng nước thải hàng ngày.

- Thường xuyên kiểm tra và vớt các tạp chất hoặc các loại vật dụng khác có kích cỡ lớn bị trôi vào bể để giảm khả năng đi vào đường ống thoát nước gây tắc nghẽn.

b. Biện pháp khắc phục sự cố:

Khi có sự cố môi trường xảy ra, chủ đầu tư có trách nhiệm khẩn trương triển khai các biện pháp ứng cứu, khắc phục tại chỗ, đồng thời báo cáo ngay cho UBND huyện Đại Lộc, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện để được hỗ trợ, phối hợp cùng giải quyết.

- Nếu nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2), QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2) sẽ tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống, nếu máy móc hỏng sẽ tiến hành thay thế, sửa chữa kịp thời, bổ sung vi sinh để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 mẫu nước thải tại bể gom nước thải.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 mẫu tại bể chứa nước sau xử lý

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của cụm bể xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3.

2.3. *Tần suất lấy mẫu:*

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm cụm bể xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. **Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Chịu sự kiểm tra, giám sát của UBND huyện Đại Lộc, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đại Lộc, UBND xã Đại Thắng. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do xả nước thải gây ra.

Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đại Lộc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

Thu gom và xử lý nước thải theo đúng quy trình nêu trong hồ sơ, thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.



Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.



Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 01 /GPMT-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Lộc).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

1.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại lây nhiễm:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
	Chất thải lây nhiễm	13 01 01		
1	Sắc nhọn		65	Rắn
2	Không sắc nhọn		477	Rắn
3	Giải phẫu		3	
	Tổng số lượng		545	

1.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại không lây nhiễm:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại	18 01 01	1	Rắn
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	3	Rắn
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	3,5	
4	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	18 01 04	6,5	Rắn
5	Ác quy chì thải	16 01 02	1,5	
	Tổng số lượng		15,5	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải là vật liệu giấy	225
2	Chất thải là vật liệu nhựa	310
3	Chất thải là vật liệu kim loại	2
Tổng		537

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được thu gom, phân loại, không để lẫn với chất thải rắn thông thường và đưa về khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tại khu vực Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam để vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn văn phòng được thu gom vào sọt rác đặt tại vách trái văn phòng và chuyển giao cho các đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thùng chứa rác loại 240 lít/thùng, có nắp đậy dạng kín bố trí tại các khu vực đường nội bộ.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày ... tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Lộc).

A. YÊU CẦU VỀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐỐI VỚI ẢNH HƯỞNG CỦA NƯỚC MƯA

- Cơ sở đã xây dựng tách biệt hệ thống thu gom và thoát nước mưa với hệ thống thu gom và thoát nước thải. Nước mưa được thu gom bằng hệ thống thoát nước đã được xây dựng trong khuôn viên Bệnh viện trước khi đổ vào cống thoát nước nằm ở phía Đông Bắc của Bệnh viện.

- Nước mưa trên mái được thu bằng hệ thống ống thoát nước mưa, sau đó chảy vào các hố ga thoát nước mưa và thoát ra cống thoát nước nằm ở phía Đông Bắc của Bệnh viện cùng với nước mưa chảy tràn bề mặt.

- Nước mưa xung quanh khu vực của Cơ sở được thu bằng các hố ga BTCT bố trí dọc theo các trục đường của Cơ sở, nước mưa từ các hố ga thu nước theo đường ống PVC D60 mm dẫn về các hố ga cuối thoát ra cống thoát nước nằm ở phía Đông Nam của Bệnh viện theo đường ống PVC D34 mm.

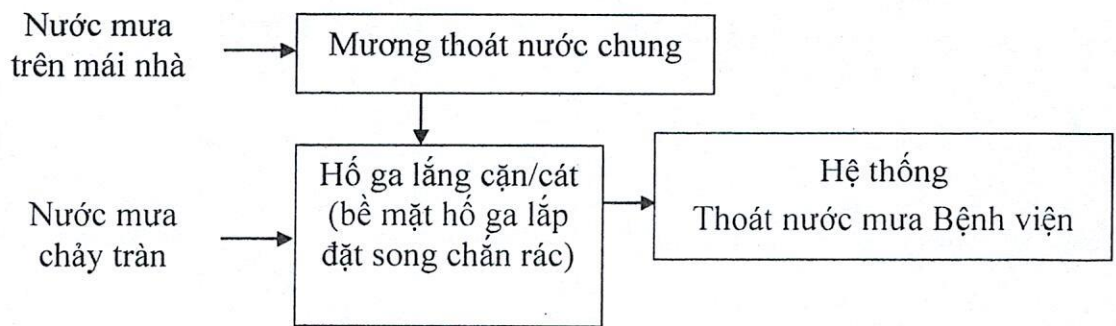
- Trên hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga để lắng cặn/cát trong quá trình thoát nước mưa, trên bề mặt hố ga bố trí song chắn rác để tách rác. Nước mưa sau khi lắng cát, tách rác ở các hố ga sẽ tự chảy vào hệ thống thoát nước mưa của Bệnh viện sau đó dẫn ra cống thoát nước tại 1 vị trí cửa xả ở phía Đông Nam của Bệnh viện.

- Toạ độ vị trí thoát nước mưa (theo hệ toạ độ VN:2000) như sau: X(m): 1750669; Y(m): 534468.

- Tổng chiều dài tuyến thu gom, thoát nước mưa là 355 m.

STT	Nội dung	Kích thước (mm)	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Ống nhựa PVC	Ø34	150	Được đặt ngầm dưới đất
2	Ống nhựa PVC	Ø60	205	Được đặt ngầm dưới đất
Tổng cộng			355	

Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở:



B. YÊU CẦU VỀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông

- Bê tông hoá toàn bộ hệ thống sân đường nội bộ;
- Thường xuyên quét dọn sân đường nội bộ;
- Quy hoạch nhà xe nằm xa các khu làm việc, khu lưu trú;
- Đảm bảo diện tích cây xanh điều hoà khí hậu.

2. Biện pháp giảm thiểu khí thải do hoạt động của máy phát điện dự phòng

- Trang bị máy phát điện hiện đại, nhập khẩu từ các nước tiên tiến, độ bền cao, tiết kiệm nhiên liệu, ít phát sinh khí thải, tương thích với nhiều thiết bị điện.
- Sử dụng nhiên liệu thích hợp khi vận hành máy phát điện (dùng dầu DO).
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện khi sử dụng.
- Bố trí khu vực máy phát điện dự phòng riêng biệt với các khu vực sinh hoạt của nhân viên.

C. YÊU CẦU VỀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Tất cả các xe được bố trí tại khu vực nhà xe dưới văn phòng.
- Yêu cầu tắt máy xe khi ra vào cổng cơ sở.

D. MỘT SỐ YÊU CẦU KHÁC

1. Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở nhằm cải thiện vi khí hậu, giảm tiếng ồn, tạo vùng đệm....

2. Quản lý các chất thải phát sinh khi dự án đi vào hoạt động nhằm đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định.

4. Thực hiện khắc phục ngay và bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.